



GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG TRƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DI CƯ KHU VỰC VEN BIỂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Trần Thị Ánh Nguyệt *, Lê Thị Hoa Sen, Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Trần Tiểu Phụng,
Hoàng Dũng Hà, Phạm Trần Kim Chi, Đỗ Thị Hằng

*Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: **Trần Thị Ánh Nguyệt** < tranthianhnguyet@huaf.edu.vn >

(Ngày nhận bài: 21-11-2022; Ngày chấp nhận đăng: 01-09-2023)

Tóm tắt. Đại dịch COVID-19 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt đời sống của người dân. Đến nay, đại dịch COVID-19 đã được kiểm soát nhưng những hậu quả để lại cần thời gian dài để phục hồi, buộc người lao động di cư chủ động tìm kiếm những giải pháp trước những tác động. Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu những giải pháp thích ứng của người lao động di cư trước tác động của đại dịch COVID-19 thông qua khảo sát 298 lao động di cư quay trở về trên địa bàn 6 xã ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù chịu tác động lớn của đại dịch COVID-19 giống nhau. Tuy nhiên, có sự khác nhau trong việc lựa chọn các giải pháp ứng phó và dự định khi đại dịch COVID-19 được kiểm soát của người lao động di cư. Nghiên cứu này khuyến nghị các chính sách về việc làm, đào tạo nghề và chuyển đổi nghề nói riêng và các chương trình an sinh xã hội nói chung nhằm hỗ trợ người lao động di cư bị tác động của đại dịch COVID-19.

Từ khóa: Lao động di cư, khu vực ven biển, đại dịch COVID-19, chiến lược thích ứng

ADAPTATION SOLUTIONS TO THE IMPACTS OF THE COVID-19 PANDEMIC OF MIGRANTION WORKERS IN THE COASTAL AREA OF THUA THIEN HUE PROVINCE

Trần Thị Ánh Nguyệt *, Lê Thị Hoa Sen, Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Trần Tiểu Phụng,
Hoàng Dũng Hà, Phạm Trần Kim Chi, Đỗ Thị Hằng

University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phùng Hưng St., Hue, Vietnam,

*Correspondence to **Trần Thị Ánh Nguyệt** < tranthianhnguyet@huaf.edu.vn >

(Received: November 21, 2022; Accepted: September 01, 2023)

Abstract. The COVID-19 pandemic has caused a serious crisis, affecting all aspects of people's life and economy in society, especially vulnerable populations, including migration workers return to the locality during the epidemic outbreak. Although the COVID-19 pandemic has been controlled, the consequences will take time to recover, forcing migration workers to proactively seek urgent response solutions to the impacts of the COVID-19 pandemic. Research focuses on understanding the solutions and intentions of migration workers in impact of the COVID-19 pandemic through a survey of 298 migration workers who had to return to their localities in 6 communes the coastal area of Thua Thien Hue province. The research results showed that despite the great impact of the same epidemic, there were differences migration workers in choosing appropriate adaptation solutions and follow-up plans when the epidemic is under control. Research suggests social security in general and job creation and vocational training policies in particular to support migrant workers to adapt to the impact of the pandemic.

Keywords: Migration workers, coastal area, COVID-19 pandemic, adaptation solutions

1. Đặt vấn đề

Xuất hiện từ cuối năm 2019, đến nay đại dịch COVID-19 gần như đã được kiểm soát nhưng những hậu quả để lại không hề nhỏ [15]. Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng đại dịch COVID-19 đã gây ra thiệt hại lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội. Các tác động thể hiện rõ trên từng lĩnh vực từ công nghiệp, xây dựng, dịch vụ và sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu thực hiện ở Trung Quốc hoặc các nghiên cứu của tổ chức World Vision International (2020) ở Bangladesh, Nepal, Ấn Độ đều cho rằng người dân phải gánh chịu những tác động kinh tế- xã hội nặng nề, đặc biệt là những vùng có phần lớn lao động di cư [21], [22].

Ở Việt Nam, từ lúc bùng phát dịch cho đến nay, có rất nhiều các tổ chức, cơ quan như FAO, ILO, UNICEF, UNDP Việt Nam, WHO tại Việt Nam đã thực hiện các nghiên cứu liên quan tác động của đại dịch COVID-19 đến kinh tế-xã hội [14],[15],[16],[21]. Kết quả nghiên cứu thể hiện người lao động di cư chịu nhiều ảnh hưởng tới cuộc sống, việc làm và thu nhập. Trong đó, người lao động lớn tuổi, lao động di cư và lao động nữ là những nhóm đối tượng bị tổn thương nhiều nhất [13].

Thừa Thiên Huế là một trong những tỉnh thành trong cả nước có số lao động di cư rất cao, với gần 25.160 ngàn lao động di cư quay trở về địa bàn vào cuối tháng 12/2021 khi dịch bùng phát, trong đó lao động di cư ven biển chiếm 35% [11]. Trong giai đoạn dịch bệnh căng thẳng đỉnh điểm lượt người lao động di cư quay trở về địa phương càng mạnh mẽ, tạo ra

những áp lực cho địa phương tiếp nhận. Chính vì vậy, nhà nước đã triển khai những gói hỗ trợ đến người lao động di cư nhằm tháo gỡ và hỗ trợ người lao động di cư trước những khó khăn của đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, chỉ có 1,59% người lao động được tiếp nhận gói hỗ trợ của nhà nước, vì thế bản thân họ đã chủ động lựa chọn giải pháp thích ứng với những khó khăn trước mắt và lập kế hoạch cho tương lai khi đại dịch COVID-19 qua đi [17].

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu những giải pháp thích ứng và dự định tiếp theo của người lao động di cư trở về do đại dịch ở khu vực ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế, thông qua khảo sát 298 người lao động di cư tại địa bàn 6 xã ven biển lúc dịch bệnh COVID-19 cao điểm từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 2 năm 2022. Từ đó làm cơ sở khuyến nghị các chính sách về việc làm nhằm hỗ trợ người lao động di cư trước những tác động của đại dịch COVID-19 và giúp cho người lao động di cư có cuộc sống ổn định sau khi đại dịch COVID-19 qua đi.

2. Chiến lược thích ứng của người lao động di cư dưới tác động của đại dịch COVID-19 từ những nghiên cứu trong nước

Khi đại dịch COVID-19 bùng phát mạnh mẽ, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng người lao động di cư đã chủ động lựa chọn những chiến lược để thích ứng với những khủng hoảng do COVID-19 mang lại. Các nghiên cứu cho thấy, người lao động di cư đã có những chiến lược thích ứng với dịch bệnh để chủ động trong cuộc sống như tìm kiếm việc làm, tiết kiệm chi tiêu và vay mượn. Trong một nghiên cứu của Đồng Thanh Mai về tác động của dịch bệnh COVID-19 tới lao động di cư tại Hoàn Sơn, tỉnh Bắc Ninh (2021). Hầu hết người lao động di cư ở nhóm nghề tự do đều tìm kiếm việc làm mới lên đến 79,1%, tiết kiệm chi tiêu tối đa là 66,7%. Trong đó, một số nhóm lao động là công nhân viên chuyển sang mua sắm online 75%. Điều đáng chú ý là việc chuyển chỗ ở và về quê sinh sống là những giải pháp ít người lao động di cư nghĩ đến, chỉ có 7,89%. Tuy nhiên, theo kết luận của nghiên cứu cho thấy đây là những chiến lược thích ứng tạm thời, về lâu dài cần có chính sách hỗ trợ người lao động, hỗ trợ doanh nghiệp và đặc biệt người lao động cần chủ động nâng cao tay nghề, trình độ để có việc làm ổn định hơn [6].

Trong khi đó, nghiên cứu về những tác động của đại dịch COVID-19 đến nữ lao động di cư ở khu vực không chính thức của Lê Phương Hòa, thực hiện năm 2020 đã cho thấy nữ lao động di cư có những lựa chọn thích ứng khác nhau. Có đến 55,67% nữ lao động lựa chọn ở lại, nhưng có sự khác biệt về tỉ lệ khi lựa chọn phương án của nữ lao động di cư tại Thành phố Hồ Chí Minh (18%) và Hà Nội (70,67%). Bên cạnh đó, nữ lao động còn thực hiện chiến lược tiết kiệm bằng cách giảm ăn uống và mua sắm (49%) hoặc vay mượn người thân để trang trải cuộc

sống và sử dụng số tiết kiệm của gia đình (51%). Phát hiện thú vị của nghiên cứu là tỷ lệ nữ lao động di cư có ý định chuyển dịch nghề nghiệp là không cao, chủ yếu nằm trong nhóm nhỏ làm nghề tự do. Tuy nhiên, theo kết luận của nghiên cứu thì đây là những chiến lược của nữ lao động di cư trong bối cảnh dịch bệnh chưa bùng phát mạnh mẽ, nên cần có những chính sách hỗ trợ cho nữ lao động có cuộc sống ổn định thông qua đào tạo nghề, nâng cao trình độ, tăng khả năng tiếp cận thị trường lao động [4], [5].

Bên cạnh đó, có một nghiên cứu đáng chú ý với khảo sát trên diện rộng của M.net (2020). Có đến 72% người lao động không thể duy trì được công việc, nên đã có đến 20% người lao động có ý định quay về quê chờ đợi dịch bệnh ổn định sẽ quay trở lại nơi làm việc. Trong đó, chỉ có 4% người lao động có ý định chuyển việc ở nhóm lao động tự do nhưng khó khăn họ gặp phải là do yếu kém về tay nghề. Lựa chọn cắt giảm chi tiêu là điều cần thiết đối với người lao động di cư trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát. Theo khảo sát cho thấy, có đến 38% phải dùng tiền tiết kiệm và vay mượn, trong đó nhóm hàng rong vay mượn và dùng tiền tiết kiệm chiếm tỉ lệ lớn (46%). Theo M.net mặc dù triển vọng phục hồi sau dịch bệnh COVID-19 cần nhiều thời gian, nhưng người lao động đã có những thích ứng ngắn hạn và dài hạn [26].

Trong nghiên cứu của tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) thực hiện năm 2020 cũng cho thấy, người lao động di cư mong muốn tìm kiếm công việc mới là 36,3%. Trong đó, cũng có những nhóm ngành như du lịch, khách sạn chuyển sang những công việc khác như phụ hồ, bán hàng online. Thậm chí nhiều lao động di cư làm vườn trang trại để tiết kiệm chi phí (15%) hoặc chuyển đổi chỗ ở rẻ hơn, thuyết phục chủ trọ giảm giá thuê phòng. Khi dịch bệnh bùng phát người lao động di cư phải cắt giảm cả chi phí y tế và tiền gửi về quê cho gia đình. Người lao động di cư còn nhận sự hỗ trợ của người nhà như tiền bạc, lương thực, thực phẩm và chăm sóc con cái khi trường học phải đóng cửa [7], [5].

Qua đây cho thấy, khi dịch bệnh bùng phát, các biện pháp chống dịch nghiêm ngặt đã làm người lao động di cư phải đối mặt với tình trạng mất việc làm và thu nhập, chất lượng cuộc sống bị ảnh hưởng. Chính điều này khiến người lao động phải mạnh mẽ đối diện bằng cách chủ động đưa ra các chiến lược thích ứng. Tuy nhiên, về lâu dài cũng cần những chính sách và chương trình hỗ trợ của nhà nước để giúp người lao động di cư ổn định cuộc sống khi dịch bệnh COVID-19 qua đi.

3. Phương pháp

Nghiên cứu đã chọn vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế làm điểm nghiên cứu với các lý do gồm: (i) là địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao trong cả nước, với gần 10% (theo thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế, 2019) và có đến 27 xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định 353/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ; (ii) là địa bàn có tỉ lệ lao động di cư cao của tỉnh Thừa Thiên Huế, đặc biệt sau sự cố môi trường biển Formosa năm 2016 [9]; (iii) là địa bàn có tỉ lệ lao động di cư quay về do dịch COVID-19 rất cao, chiếm 35% tổng lao động quay về trên toàn tỉnh. Trên cơ sở kết quả phỏng vấn sâu cán bộ Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế, đề tài sẽ định hướng các xã ven biển làm điểm nghiên cứu.

Thông tin thứ cấp được thu thập từ các báo cáo liên quan đến tình trạng di cư lao động, tác động của đại dịch COVID-19 đến thu nhập và việc làm; dữ liệu liên quan lao động di cư trở về tại địa phương từ Cục Thống kê kinh tế và xã hội của tỉnh Thừa thiên Huế; các bài báo khoa học về tác động của đại dịch COVID-19 xuất bản trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.

Thông tin sơ cấp được thu thập qua khảo sát 298 lao động di cư (trên 18 tuổi) trở về các xã, nghiên cứu trong thời gian dịch cao điểm bằng bảng hỏi bán cấu trúc, trong đó có 122 nam và 176 nữ. Sau đó tiến hành phỏng vấn sâu 9 lao động di cư (4 nam và 5 nữ); phỏng vấn 6 cán bộ phụ trách văn hoá thông tin của 6 xã nghiên cứu. Nghiên cứu mong muốn có được những thông tin chi tiết từ người lao động di cư trở về và cán bộ phụ trách. Ngoài ra, còn nhằm bổ sung những thông tin chưa đầy đủ khi khảo sát bằng bảng hỏi.

Dữ liệu cho nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát 298 lao động di cư (trên 18 tuổi) đã trở lại các xã trong thời gian dịch bùng phát. Phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên có hệ thống được áp dụng để chọn 50 lao động di cư từ mỗi xã trong danh sách lao động di cư trở về do ủy ban nhân dân xã cung cấp. Bắt đầu từ người đầu tiên tới người thứ 5 trong danh sách được chọn để phỏng vấn, tiếp đó cho đến người lao động di cư thứ 50 của mỗi xã. Trường hợp đối tượng phỏng vấn bị nhiễm COVID-19 sẽ được bỏ qua và lấy người tiếp theo trong danh sách. Trong quá trình khảo sát, 300 mẫu khảo sát đã được thu thập. Tuy nhiên, có 2 mẫu không hợp lệ và có 298 mẫu được đưa vào phân tích làm dữ liệu nghiên cứu. Bảng câu hỏi khảo sát được xây dựng trên cơ sở xem xét các nghiên cứu có liên quan cùng với phỏng vấn sâu cán bộ cấp xã. Khảo sát chính thức được thực hiện sau khi bảng câu hỏi được hoàn thiện thông qua việc khảo sát thử nghiệm 10 lao động di cư trở về nước.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả gồm giá trị trung bình và tỷ lệ % để phân tích các chỉ tiêu về loại hình việc làm, thu nhập, biến động thu nhập do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Các ý kiến được thu thập qua phương pháp phỏng vấn sâu được đánh giá bằng phương pháp phân tích nội dung (content analysis method) - tức là các phỏng vấn được mã hóa và phân nhóm thành các chủ đề hoặc các từ khóa, sau đó được sử dụng trích dẫn phù hợp để làm rõ các nội dung phân tích của nghiên cứu [18].

4. Kết quả

4.1 Đặc điểm của người lao động di cư trở về do đại dịch COVID-19 ở các xã ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế

Kết quả nghiên cứu cho thấy người lao động di cư trở về do đại dịch COVID-19 là người trẻ với độ tuổi trung bình 34,5 (bảng 1). Trong nghiên cứu về Giới và tiền chuyển có kết quả tương tự, hầu hết người lao động di cư có độ tuổi trung bình 32 tuổi, công việc ở thành phố lớn thường yêu cầu lao động trẻ, có sức khỏe và độ linh động cao nên phù hợp với người lao động trẻ tuổi [8]. Chính những điều kiện về thu nhập, việc làm và cơ hội cho tương lai của nơi di cư đến đã tạo sức hút với những lao động di cư trẻ tuổi [20]. Số năm lao động di cư là 7,67 và 9,51 lần lượt đối với người lao động di cư nam và nữ. Nữ lao động di cư dễ tìm kiếm công việc tự do nên họ thường là người đi làm ăn xa để kiếm thêm thu nhập cho gia đình [4]. Mặc dù độ tuổi còn trẻ nhưng trình độ văn hóa của người lao động di cư vẫn còn thấp, trong đó tỷ lệ nữ lao động di cư tốt nghiệp Trung học phổ thông chỉ có 29% và nam lao động di cư là 20%, điều này cho thấy cơ hội để họ nâng cao trình độ tay nghề rất là thấp. Tỷ lệ người lao động di cư có trình độ đại học rất thấp với 9,1% nữ lao động di cư và 13,9% là nam lao động di cư. Điều đáng chú ý là tỷ lệ chưa qua đào tạo là khá lớn, bình quân là 58,3%. Đây là nguyên do khiến người lao động di cư khó tìm kiếm được những công việc ổn định và có thu nhập cao.

Những nghiên cứu trước đây đều có kết luận chung rằng tình trạng hôn nhân thường được xem là yếu tố quyết định đến việc đi làm ăn xa của người lao động di cư [10]. Trong kết quả nghiên cứu này thể hiện rõ sự khác nhau về tình trạng di cư của nam và nữ lao động di cư, trong đó nữ lao động di cư độc thân có tỷ lệ đi làm ăn xa cao hơn nam lao động di cư độc thân là 54,3% so với 48,8%, nhưng ngược lại có 49,6% nam lao động di cư đã kết hôn đi làm ăn xa

nhiều hơn so với 42,3% nữ lao động di cư đã kết hôn. Kết quả nghiên cứu này gần với nghiên cứu về Giới và tiền chuyển, kết quả thể hiện nam lao động di cư đã kết hôn có tỷ lệ đi làm ăn xa cao hơn so với nữ lao động kết hôn với tỷ lệ 52,3%, bởi họ thường phải giữ trọng trách trụ cột kinh tế chính trong gia đình, nên khi đi làm ăn xa họ luôn phải gửi tiền hàng tháng về quê nuôi dưỡng gia đình và chăm sóc con cái. Trong khi đó, nữ lao động di cư đã kết hôn thường là người lo toan gia đình, nên ít đi làm ăn xa hơn [8]. Qua đây nhận thấy, người lao động di cư đi làm ăn xa thường là trẻ tuổi, có trình độ văn hóa và chuyên môn còn thấp. Do đó, đây cũng là yếu tố có thể xem xét tác động để nâng cao trình độ tay nghề, chuyển đổi nghề và khả năng tiếp cận công nghệ cho người lao động di cư để họ có việc làm tốt và thu nhập cao, cuộc sống gia đình sẽ ổn định hơn.

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng được khảo sát

Đặc điểm	Đơn vị	Nam (n=122)	Nữ (n=176)	Chung
1. Bình quân số năm lao động di cư	Năm	7,67	9,51	8,79
2. Trình độ văn hóa				
Tiểu học	%	3,8	5,6	9,4
Trung học cơ sở	%	17	24,6	41,6
Trung học phổ thông	%	20	29	49,0
3. Tuổi	Tuổi	35	34	34,5
4. Giới tính	%	40,9	59,1	100
5. Trình độ tay nghề				
Trung cấp nghề	%	12,3	9,7	10,8
Khóa đào tạo ngắn hạn	%	4,9	15,4	11,1
Cao đẳng nghề	%	12,3	6,3	8,8
Đại học	%	13,9	9,1	11,1
Chưa qua đào tạo	%	56,6	59,4	58,3
6. Tình trạng hôn nhân				
Đã lập gia đình	%	49,6	42,3	45,3
Độc thân	%	48,8	54,3	52,0
Ly hôn	%	1,6	2,3	2,0

Nguồn: Phỏng vấn người lao động di cư 2022

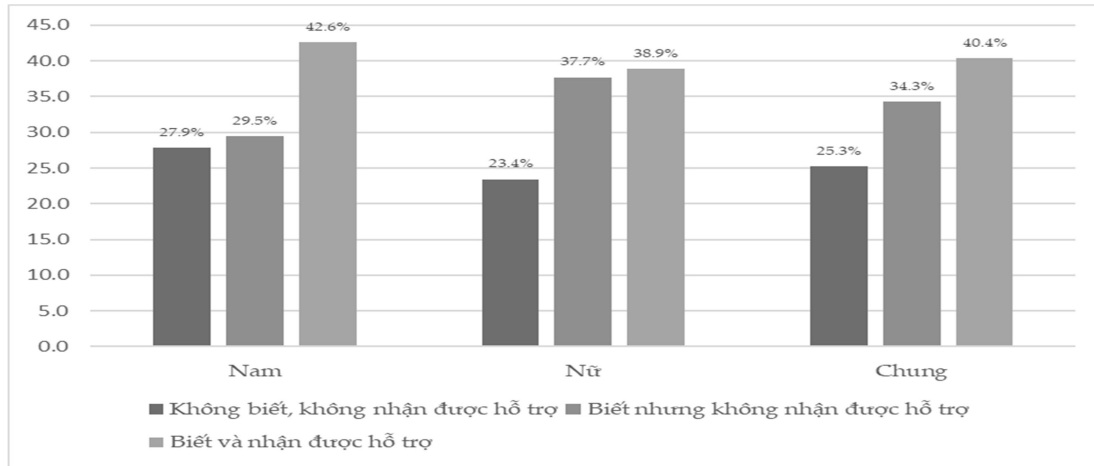
4.2 Những giải pháp thích ứng của người lao động di cư vùng ven biển trước tác động của đại dịch COVID-19

4.2.1 Tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ trong đại dịch COVID-19

Nhằm hỗ trợ người dân gặp những khó khăn do đại dịch COVID-19, chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khác nhau trong đó có gói an sinh xã hội 62.000 tỉ đồng. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho khoảng 20 triệu người lao động, tất cả người lao động di cư tạm dừng và nghỉ việc không lương, người lao động bị chấm dứt hợp đồng hoặc hợp đồng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp đều có cơ hội nhận được gói hỗ trợ (Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, 2020).

Kết quả khảo sát cho thấy có đến 40,4% người lao động di cư biết đến và nhận được hỗ trợ, trong đó nam và nữ lao động di cư biết đến và nhận hỗ trợ với tỷ lệ lần lượt là 42,6% và 38,9%. Điều này có thể nhận thấy họ rất quan tâm đến những hỗ trợ của nhà nước, trong khi việc làm và thu nhập bị ảnh hưởng nên họ phải chủ động tìm kiếm các cơ hội để đảm bảo kinh tế gia đình (biểu đồ 1). Tuy nhiên, vẫn còn tỷ lệ khá lớn người lao động di cư không biết và không nhận được hỗ trợ là 25,3%, chứng tỏ mức độ tiếp cận thông tin của người lao động di cư vẫn còn thấp, họ rơi vào tình cảnh khó khăn khi mất việc, thu nhập không đủ trang trải gia đình, trợ giúp xã hội cũng không có, làm cho làn sóng quay về quê ngày càng mạnh mẽ của người lao động di cư ở thời điểm dịch bùng phát từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2021.

Đáng chú ý, người lao động di cư biết đến nhưng không nhận được hỗ trợ chiếm tỷ lệ khá lớn với 29,5% nam lao động di cư và nữ lao động di cư là 37,7%. Thông qua kết quả phỏng vấn sâu người lao động di cư cho thấy, có rất nhiều nguyên nhân họ không nhận hỗ trợ chủ yếu là thủ tục rườm rà, không có thông tin, tâm lý sĩ diện với xã hội, đặc biệt thông tin không cụ thể từ chính quyền địa phương làm họ mất cơ hội tiếp cận các nguồn hỗ trợ. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với kết quả nghiên cứu về tác động của dịch bệnh COVID-19 tới lao động di cư tại tỉnh Bắc Ninh, có đến 63% công nhân và 58,3% lao động di cư tự do không biết, không nhận gói hỗ trợ do họ không thuộc đối tượng xem xét được hỗ trợ của xã, đối tượng chỉ có người già, trẻ em, hộ nghèo...[6]. Điều này cho thấy, chính quyền địa phương cần quan tâm hơn nữa tới lao động di cư và bản thân người lao động di cư cần chủ động tiếp cận các nguồn hỗ trợ tốt hơn.



Biểu đồ 1: Mức độ tiếp cận nguồn hỗ trợ của Nhà nước do ảnh hưởng đại dịch COVID-19 của người lao động di cư

Bên cạnh những hỗ trợ của Nhà nước thì người lao động di cư còn tiếp nhận sự giúp đỡ từ các tổ chức từ thiện, mạnh thường quân, bạn bè, người thân trong gia đình hay chủ trọ (Bảng 2). Hình thức hỗ trợ rất đa dạng như là tiền mặt, thực phẩm, phương tiện, miễn giảm lệ phí nhà ở... để giảm bớt những gánh nặng và khó khăn mà người lao động di cư đang gặp phải. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cả nữ và nam lao động di cư đều nhận được các nguồn hỗ trợ từ các mạng lưới xã hội, chẳng hạn như nữ lao động di cư nhận được tiền mặt với tỷ lệ rất cao 50,3%, trong khi đó nam lao động di cư nhận được 31,7%, hay sự hỗ trợ của các mạnh thường quân cho nữ lao động di cư hơn 60% và nam lao động di cư chỉ có 40%. Điều này cho thấy nữ và nam lao động di cư đã có được sự quan tâm rất lớn từ các nguồn hỗ trợ trong giai đoạn dịch bệnh căng thẳng.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu này ngược lại so với kết quả nghiên cứu về tác động của đại dịch COVID-19 tới lao động nữ di cư khu vực không chính thức với những giải pháp thích ứng cho rằng nữ lao động di cư ít có cơ hội nhận được các nguồn hỗ trợ và họ là đối tượng dễ tổn thương nhất khi dịch bệnh COVID-19 xảy ra [4],[16]. Nhưng nhìn chung, với trọng trách là người quản lý chi tiêu và lo lắng sức khỏe cho gia đình, nữ lao động di cư có tâm lý sẵn sàng tìm kiếm và tiếp nhận các nguồn hỗ trợ. Qua phỏng vấn sâu chị N.T.A.T cho biết: “*Trong nhà lúc dịch bệnh căng thẳng chị nôn nóng, lo lắng, sợ gia đình hết thực phẩm nên chị hay để ý các đoàn cứu trợ, mạnh thường quân để nhận hỗ trợ, có khi mì tôm, rau củ quả...*”. Kết quả tương tự với nghiên cứu ở China và Hongkong về tác động của đại dịch COVID-19 đối với nữ lao động di cư, hầu hết nữ lao động di cư cố gắng tiếp cận nguồn hỗ trợ và lo lắng cho gia đình [25]. Do đó, các chương

trình hỗ trợ cần phải lựa chọn đúng đối tượng để nhận hỗ trợ hợp lý, tạo cơ hội cho người lao động nhận được gói hỗ trợ để giảm bớt những gánh nặng và áp lực họ đang gặp phải.

Bảng 2. Các loại và nguồn lực hỗ trợ cho người lao động di cư

Đơn vị: %

STT	Loại hỗ trợ	Nam	Nữ	Chung
1	Thực phẩm	72,4	74,9	73,8
2	Tiền mặt	31,7	50,3	42,6
3	Chỗ ở	26,8	19,0	22,2
4	Đi lại	14,6	17,8	16,5
Nguồn hỗ trợ				
1	Người thân	56,9	74,9	67,5
2	Tổ chức từ thiện	56,1	74,3	66,8
3	Mạnh thường quân	40,7	60,6	52,4
4	Bạn bè	56,1	44,6	49,3
5	Chính quyền địa phương	26,0	57,1	44,3
6	Nguồn khác	20,3	13,7	16,4

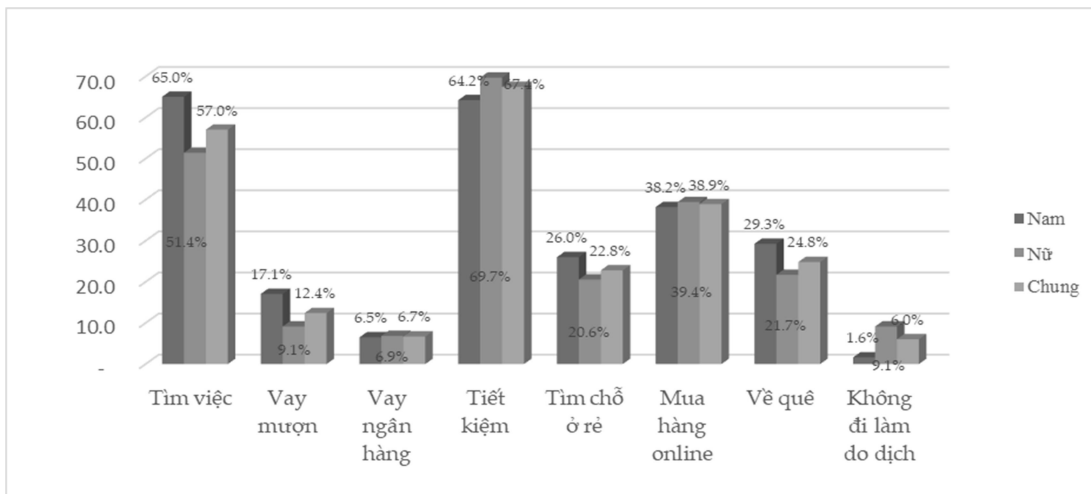
Nguồn: phỏng vấn lao động di cư, 2022

4.2.2. Những ứng phó của người lao động di cư trước tác động của đại dịch COVID-19

Trước những tác động đại dịch COVID-19 người lao động di cư đã có nhiều giải pháp thích ứng và chủ động trong cuộc sống. Kết quả nghiên cứu cho thấy người lao động di cư đã đưa ra nhiều giải pháp thích ứng khác nhau (Biểu đồ 2). Trong đó, tiết kiệm chi tiêu tối đa là giải pháp được nữ lao động di cư lựa chọn cao nhất với 69,7%, hầu hết nữ lao động di cư cắt giảm chi tiêu ăn uống và mua sắm, thậm chí vay mượn bạn bè và người thân để trang trải chi phí. Khảo sát của ILO (2020) cũng cho thấy kết quả tương tự “hầu hết người lao động di cư cắt giảm chi phí cơ bản, đặc biệt chi phí thực phẩm, giải trí và tiền gửi cho gia đình”. Thông qua phỏng vấn sâu chị T.T.N chia sẻ: “Trong khoảng thời gian dịch bệnh xảy ra tôi thường cắt giảm ăn uống, chi tiêu trong gia đình để tiền mua thuốc men, để phòng những bất trắc có thể xảy ra” [15].

Riêng đối với nam lao động di cư lựa chọn công việc mới thay thế là giải pháp thích ứng được ưu tiên lựa chọn với tỉ lệ 65% số nam lao động di cư được hỏi. Điều này một lần nữa khẳng định những áp lực trọng trách trụ cột kinh tế của nam lao động di cư, mặc dù dịch bệnh căng thẳng nhưng họ vẫn cố gắng tìm công việc mới để đảm bảo thu nhập lo cho gia đình. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với nghiên cứu của Trần Nguyệt Minh Thu (2019) “Khoảng 2/3 số lao động di cư được xem là trụ cột kinh tế gia đình, trong đó tỉ lệ nam giới là trụ cột cao hơn so với nữ”.

Bên cạnh đó, giải pháp về quê cũng được lựa chọn nhiều với 29,3% ý kiến của nam lao động di cư và 21,7% ý kiến của nữ lao động di cư. Trong giai đoạn dịch bệnh căng thẳng người lao động di cư muốn quay trở về quê là rất lớn bởi họ phải nghỉ việc, thậm chí mất việc làm, không có thu nhập và cuộc sống bấp bênh. Hơn thế nữa, vì những lo lắng cho sức khỏe của con cái và các thành viên trong gia đình, nên người lao động di cư quyết định quay về quê chờ đợi đại dịch COVID-19 qua đi mới quay trở lại nơi làm việc. Nhìn chung, người lao động di cư đã có những giải pháp thích ứng tạm thời với tác động của đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, lâu dài cần có chương trình hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và nâng cao nhận thức của người lao động di cư về cách chi tiêu hiệu quả, cần có những tích lũy và tiết kiệm để phòng những rủi ro khác có thể xảy ra trong tương lai ngoài đại dịch COVID-19.



Biểu đồ 2. Ứng phó của người lao động di cư trước tác động của đại dịch COVID-19

4.3. Dự định của người lao động di cư trước tác động của đại dịch COVID-19

Mặc dù gặp nhiều khó khăn và triển vọng phục hồi sau dịch còn tốn khá nhiều thời gian. Người lao động di cư vẫn tích cực tìm kiếm giải pháp ngắn hạn và dài hạn để khắc phục những khó khăn trước mắt và đưa ra những dự định lâu dài cho tương lai (Bảng 3). Kết quả khảo sát cho thấy người lao động di cư đã có những dự định tiếp theo sau khi dịch bệnh COVID-19 qua đi. Hầu hết những dự định của người lao động di cư là chuẩn bị phương án tìm việc ở quê, xác định không đi làm ăn xa nữa với 21,9% ý kiến. Điều này cho thấy COVID-19 đặt gánh nặng lên vai và thử thách cho người lao động di cư, vừa phải chăm sóc con cái, gia đình và lo toan các khoản chi tiêu cho gia đình. Dịch bệnh đã qua đi nhưng người lao động di cư vẫn mang tâm lý sợ hãi không muốn quay lại nơi làm việc. Thông qua phỏng vấn sâu nữ lao động di cư H.T.N.V cho biết: *“Đợt dịch quá kinh khủng, tôi và chồng cùng con chạy xe máy về quê, giờ hỏi đi làm lại không? Tôi cảm thấy sợ hãi nên muốn ở quê tìm việc để làm với bố mẹ ở quê”*.

Bên cạnh đó, nghề nghiệp chủ yếu của người lao động di cư ở nơi di cư đến chủ yếu là làm nghề tự do, bấp bênh, thu nhập không ổn định nên phần nào cũng ảnh hưởng đến dự định quay trở lại chỗ làm của người lao động di cư. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với nghiên cứu về tác động của đại dịch COVID-19 tới tới thu nhập và việc làm ở khu vực phi chính thức khu công nghiệp ở Hoàn Sơn của Đồng Thanh Mai (2021) với khoảng 8,3% người lao động công nhân và 7,8% người làm nghề tự do quyết định về quê sinh sống [26]. Nhưng ngược lại, với gần 44% người lao động di cư đều thể hiện rõ ràng những dự định đi làm lại khi dịch được kiểm soát và sẵn sàng để quay lại nơi làm việc dù cho dù dịch bệnh có được kiểm soát hay không. Kết quả này khẳng định công bố của tổ chức Lao động Quốc tế ILO khảo sát tại Việt Nam (2021) *“Khi tình hình đại dịch COVID-19 vừa tạm ổn trong năm 2021 thì tỷ lệ người lao động quay trở về nơi làm việc, trong đó tỷ lệ nam giới có việc làm là 68,6% và nữ giới là 43,2%”*.

Mặc cho dịch bệnh vẫn còn khá nghiêm trọng nhưng trách nhiệm với gia đình buộc người lao động di cư phải có những dự định lâu dài đi làm xa trở lại. Tuy nhiên, vẫn còn tỷ lệ cao người lao động di cư họ đang phân vân, chưa có dự định cho bản thân và gia đình, trong đó nam lao động di cư chiếm 29,7% và nữ lao động di cư là 31,4%. Qua đây nhận thấy rằng, cần có chính sách của nhà nước nhằm giúp cho người lao động di cư tìm kiếm việc làm, đặc biệt là những lao động di cư ở lại quê, cần được quan tâm hỗ trợ giới thiệu việc làm tại địa phương và trình độ tay nghề còn thấp nên họ rất khó khăn để có thể tìm kiếm việc làm trở lại.

Bảng 3: Những dự định của người lao động di cư

Đơn vị: %

Dự định tiếp theo	Nam	Nữ	Chung
Chưa có dự định, đang phân vân	29,7	31,4	34
Đã chuẩn bị phương án tìm việc ở quê, xác định không đi xa nữa	10,2	32,1	21,9
Dự định sẽ đi lại sau khi dịch đã được kiểm soát	31,1	19,7	20,5
Sẵn sàng quay lại nơi làm việc dù còn dịch hay không	25,4	18,3	23,6

Nguồn: Phòng vấn người lao động di cư, 2022

5. Kết luận

Phân tích kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn người lao động di cư trở về do đại dịch COVID-19 đã tiếp cận được các nguồn hỗ trợ của Nhà nước, tổ chức và cá nhân. Tuy nhiên, vẫn còn 60% người lao động di cư chưa biết đến và không nhận được hỗ trợ. Điều này có nghĩa là thông tin đến người lao động di cư chưa đầy đủ. Nghiên cứu cũng cho thấy người lao động di cư đã tìm kiếm các cách ứng phó kịp thời trước tác động của đại dịch COVID-19. Điều này cho thấy người lao động di cư đã có những chủ động thích ứng với những khó khăn.

Nghiên cứu cũng phát hiện ra rằng gần 22% người lao động di cư quyết định ở quê làm việc không đi làm ăn xa nữa và 57% người lao động di cư muốn tìm công việc mới. Kết quả nghiên cứu đi đến một số kết luận như sau. Thứ nhất, nhà nước cần đưa ra các biện pháp để các chính sách hỗ trợ COVID-19 đến được với người lao động di cư. Thứ hai, cần có các chính sách và chương trình giúp đỡ người lao động di cư tìm kiếm việc làm, trong đó cần tạo điều kiện hỗ trợ ưu tiên cho người lao động di cư tiếp cận việc làm mới ngay tại địa phương. Thứ ba, nâng cao hiểu biết cho người lao động di cư để họ chủ động tích lũy và tiết kiệm để phòng những rủi ro khác có thể xảy ra trong tương lai.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu của đề tài Đại học Huế năm 2023, mã số DHH2023-02-172. Nhóm Nghiên cứu mạnh Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, mã số NCM.ĐHNL.2021.05

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Thanh Hương & Nguyễn Thị Hương Giang, (2020), *Đại dịch Covid-19 tác động đến lao động việc làm ở Việt Nam qua phân tích số liệu thống kê*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Covid-19, đại dịch và những vấn đề đặt ra đối với phát triển bền vững, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
2. Báo Thư viện pháp luật, (2022), *Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về gói hỗ trợ an sinh xã hội 62.000 tỷ cho người lao động*, khai thác từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Quyết-dinh-15-2020-QĐ-TTg-ho-tro-nguoi-dan-gap-kho-khan-do-dich-COVID19-441047.aspx>, truy cập ngày: 14/10/2022.
3. Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam, (2022), *Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025*, khai thác từ <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>.
4. Lê Phương Hòa, (2021), *Tác động của đại dịch COVID-19 tới lao động nữ di cư tại khu vực phi chính thức (Nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh)*, khai thác từ <https://www.vass.gov.vn/nghien-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/Tac-dong-cua-dich-Covid-19-toi-lao-dong-nu-di-cu-tai-khu-vuc-phi-chinh-thuc-171>, truy cập ngày: 17/09/2021.
5. Trần Thị Hồng Lan, (2021), *Ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến lao động di cư khu vực phi chính thức ở Việt Nam*, *Tạp chí Khoa học Xã hội*, (11), 279.
6. Đồng Thanh Mai, Nguyễn Mậu Dũng, Tô Thế Nguyên, Vũ Tiến Vượng, (2021), *Tác động của dịch bệnh COVID-19 tới lao động di cư: Nghiên cứu trường hợp tại xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh*, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, (19), 1343–1352.
7. Tổ chức Lao động quốc tế ILO, (2020), *Đánh giá nhanh tác động của đại dịch COVID-19 tới doanh nghiệp và người lao động trong một số ngành nghề chính: Ứng phó, điều chỉnh và khả năng phục hồi*, khai thác từ

https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_757928/lang--vi/index.htm, truy cập ngày: 13/10/2020.

8. Trần Nguyệt Minh Thu, Đào Thế Sơn, Đặng Thúy Hạnh, (2012), *Giới và tiền chuyển của lao động di cư*, khai thác từ <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2020/10/lao-dong-di-cu-VI.pdf>, truy cập ngày: 17/04/2012.
9. Nguyễn Ngọc Truyền, Cao Thị Thuyết, Nguyễn Văn Thành, Lê Thị Hồng Phương, (2020), Ảnh hưởng, ứng phó và kết quả phục hồi sinh kế của ngư dân Khai thác thủy sản gần bờ tỉnh Thừa Thiên – Huế sau sự cố môi trường biển (Formosa) năm 2016, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, (9), 142–150.
10. Nguyễn Hoàng Sơn, (2020), *Mô hình sinh kế bền vững nhằm giảm thiểu mức độ tổn thương do biến đổi khí hậu gây ra ở các xã bãi ngang ven biển khu vực Bình-Trị-Thiên*, Báo cáo tổng kết đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ, Đại học Huế.
11. Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế, (2021), *Tích cực hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho lao động trở về từ vùng dịch*, khai thác từ <https://sldtbxh.thuathienhue.gov.vn/>, truy cập ngày: 15/10/2021.
12. Amithy. J and Jigyasa. M, (2021, September 02), Women, work and pandemic: An impact study of COVID-19 lockdown on working women in India, *Asian Social Work and Policy Review*, Retrieved from <https://doi.org/10.1111/aswp.12240>.
13. Titan. L, Minki Kim. M, David. L, and Mitchell. V, (2020, March 13), *How Should Policy Responses to the Covid-19 Pandemic Differ in the Developing World*, Retrieved May 14, 2022, from <https://econpapers.repec.org/paper/nbrnberwo/27273.htm>.
14. International Labour Organization, (2021, July 19), *Fewer women than men will regain employment during the COVID-19*, Retrieved July 14, 2022, from https://www.ilo.org/global/about-the-ilo/newsroom/news/WCMS_813449/lang-en/index.htm.
15. IOM, (2020), *Migration-Related Socioeconomic Impacts of Covid-19 on Developing Countries*. Retrieved July 20, 2022, from [Migration-Related Socioeconomic Impacts of COVID-19 on Developing Countries | International Organization for Migration \(iom.int\)](https://www.iom.int/publications/migration-related-socioeconomic-impacts-of-covid-19-on-developing-countries).
16. UNDP, (2021, July 6), *Socio-Economic Impact of COVID-19 on Women Migrant Workers*, Retrieved July 27, 2022, from [Socio-Economic Impact of COVID-19 on Women Migrant Workers | United Nations Development Programme \(undp.org\)](https://www.undp.org/publications/socio-economic-impact-of-covid-19-on-women-migrant-workers).

17. Báo điện tử Việt Nam, (2022), *Gói hỗ trợ 62.000 tỷ: mới chỉ hỗ trợ được 30%*, khai thác từ <https://www.vietnamplus.vn/goi-ho-tro-62000-ty-dong-tai-sao-moi-chi-ho-tro-duoc-gan-30/649511.vnp>, truy cập ngày: 15/03/2022.
18. Phương pháp phân tích Content analysis, (2019), khai thác từ <https://www.publichealth.columbia.edu/research/population-health-methods/content-analysis>.
19. Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung Ương, (2021), *Nghiên cứu vấn đề giới trong di cư trong nước và tái cơ cấu kinh tế ở Việt Nam*, khai thác từ <http://ciem.org.vn/tin-tuc/8877/nghien-cuu-van-de-ve-gioi-trong-di-cu-trong-nuoc-va-tai-co-cau-kinh-te-o-viet-nam>.
20. Lê Văn Sơn, (2014), Lao động di cư nội địa ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 1 (74)–2014.
21. WFP Nepal, (2020), *Nepal COVID-19: Economic Vulnerability Index. Overview and Technical Guidance*, Retrieved 13 August 2022, from <https://docs.wfp.org/api/documents/WFP-0000117595/download/>.
22. FAO, (2020), *COVID-19 and rural poverty: Supporting and protecting the rural poor in times of pandemic*, Retrieved May 12, 2022, from <https://socialprotection.org/discover/publications/covid-19-and-rural-poverty-supporting-and-protecting-rural-poor-times-pandemic>.
23. JICA and NEU- National Economic University, (2020), *Đánh giá các chính sách ứng phó với Covid-19 và các khuyến nghị*, Retrieved May 12, 2022, from https://www.jica.go.jp/vietnam/vietnamese/office/topics/c8h0vm00009crmm6att/210305_02_vn.pdf.
24. Nguyễn Đức Vũ, (2021), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu Khoa học*, Nxb. Đại Học Huế.
25. Hung, M. S. Y, Lam, S.K.K, Chan, L.C.K, Liu, A.P.S & Chow, M.C.M, (2021), *The Psychological and Quality of Life Impacts on Women in Hong Kong during the COVID-19 Pandemic*, *Int. J. Environ. Res. Public Health*, 18(13), 6734. <https://doi.org/10.3390/ijerph18136734>.

26. M.net, (2020), Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu tác động về kinh tế xã hội của đại dịch COVID-19 với nhóm yếu thế (người lao động di cư phi chính thức) tại Hà Nội và TPHCM, Việt Nam, khai thác từ <https://laodong.vn/xa-hoi/nguoi-lao-dong-phi-chinh-thuc-vat-lon-voicuoc-song-863906.ldo>.